

TẠP CHÍ GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC

- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC THUỘC HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917



Số 179 (240), Tháng 3/2026 (kì 1)

Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ HAI MƯƠI (Bộ mới)

Số 179 (240), Tháng 3/2026 (kì 1)

ISSN 1859-3917

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TRẦN VĂN NHUNG

PHẠM TẮT THẮNG

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

NGUYỄN VĂN KIM

TRẦN QUỐC THÀNH

TRẦN VĂN ĐỘ

NGUYỄN ĐỨC MINH

NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

TRẦN THÀNH NAM

VŨ HOÀNG CÔNG

LAVINIA HIRSUTS

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HẰNG

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Phòng 308, Tập thể Cục Thống kê, ngõ 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62946516 **Fax:** 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com **Website:** www.giaoducvaxahoi.vn

VĂN PHÒNG BẮC TRUNG BỘ

Phòng 1001, Tòa nhà A6, số 565 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0372.866.166

Email: giaoducxahoibtb@gmail.com

TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép xuất bản số: 229/GP-BTTTT ngày 02/6/2020 - Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Giá: 60.000 đồng

MỤC LỤC - CONTENTS

- 3 Bùi Thị Mỹ Lệ - Dương Thị Thu Hằng:** Vận dụng triết lý quản trị của Hồ Chí Minh: “Bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - Applying Ho Chi Minh’s philosophy of governance: “calm, clear-headed, yet decisive” in the nation’s era of aspirational rise.
- 9 Nguyễn Thị Thu Phương:** Quan điểm của Đại hội XIV về xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức và giải pháp thực hiện của Hà Nội - Views of the 14th Congress on building and developing a contingent of intellectuals and implementation solutions in Hanoi.
- 15 Đinh Thị Cẩm Lê:** Bối cảnh đổi mới và những thách thức đặt ra đối với người lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước hiện nay - The context of innovation and challenges facing leaders in contemporary state administrative agencies.
- 21 Trần Thị Thanh - Đoàn Thị Tâm:** Sơ lược tiến trình nghiên cứu về Việt Nam tại Liên bang Nga: Từ lịch sử đến hiện đại - A brief overview of Vietnamese studies in Russia: from history to the present.
- 28 Đỗ Thị Thu Trang:** Thượng tôn pháp luật trong chiến lược phát triển con người Việt Nam: Sự kế thừa và phát triển từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến quan điểm Đại hội XIV của Đảng - Upholding the rule of law in Vietnam’s human development strategy: continuity and development from Ho Chi Minh’s ideology to the perspectives of the 14th National Party Congress.
- 34 Nguyễn Thị Tố Ngọc:** Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Đường Hồ Chí Minh trên biển tại Cà Mau (1961) - Historical context and the formation process of the Ho Chi Minh Sea Trail in Ca Mau (1961).
- 39 Nguyễn Quang Sáng - Vũ Hưng:** Mô hình quản lý nhà nước đối với kiểm định chất lượng giáo dục đại học trên thế giới và khả năng vận dụng ở Việt Nam - State management models for higher education quality accreditation in the world and their applicability in Vietnam.
- 45 Ngô Hoàng Thu Thủy:** Một số nguyên tắc nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến theo mô hình đào tạo kết hợp trong giáo dục đại học - Key principles for enhancing the effectiveness of online teaching in blended learning in higher education.
- 51 Phan Nhất Huy:** Giáo dục tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho sinh viên Trường Đại học Kiểm sát hiện nay - Educating students of Hanoi Procuratorate University on President Ho Chi Minh’s humanistic rule-of-law thought today.
- 57 Trần Thị Ngọc Quyên - Phạm Thị Minh Anh:** Một số biện pháp thu hút sự tham gia của sinh viên trong xây dựng học viện xanh tại Việt Nam - Measures to promote student participation in building a green academy in Vietnam.
- 62 Trần Ngọc Tuyền - Nguyễn Hữu Toàn:** Tác động của việc học ngữ pháp qua website đối với năng lực ngữ pháp của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh: Nghiên cứu kết hợp định lượng và định tính - Impacts of website-based grammar learning on the grammatical competence of English language majors: a mixed-methods study.
- 69 Nguyễn Ngọc Trinh:** Giáo dục cảm xúc - xã hội cho trẻ 24-36 tháng trong trường mầm non - Social-emotional education for children aged 24-36 months in preschool.
- 75 Phạm Thị Xuân:** Biện pháp duy trì hứng thú cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trường mầm non, tỉnh Tuyên Quang - Measures to maintain interest in 5-6-year-old children through scientific exploration activities on the surrounding environment in preschools in Tuyen Quang Province.
- 82 Lê Viết Tiến:** Xã hội hóa giáo dục đại học ở Việt Nam: Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển - Socialization of higher education in Vietnam: theoretical foundations and practical development.
- 87 Hoàng Minh Phụng:** Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) đến phát triển năng lực giao tiếp sư phạm cho sinh viên trong trường đại học - The impact of artificial intelligence on the development of pedagogical communication competence among university students.
- 93 Phạm Thị Hiền - Lê Thị Thanh Hoa:** Ảnh hưởng của mạng xã hội đến sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hiện nay - The impact of social media on students at Quang Ninh University of Industry today.
- 101 Dương Thị Duyên:** Phát triển năng lực tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xã hội ở sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Tây Bắc - Developing the competency of Early Childhood Education students at Tay Bac University in organizing activities for preschool children to become familiar with the social environment.
- 106 Ngô Đức Quý:** Ảnh hưởng của mức độ phụ thuộc vào ChatGPT đến tư duy phản biện của sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân - The influence of dependence on ChatGPT on the critical thinking of students at the People’s Police Academy.
- 112 Trương Thị Hoa:** Ứng dụng phần mềm Chrome Music Lab thiết kế trò chơi âm nhạc trong học phần Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non ở Trường Đại học Quảng Bình - Application of Chrome Music Lab in designing musical games for the “Methods of organizing musical activities for preschool children” course at Quang Binh University.
- 120 Nguyễn Văn Kiên - Phạm Thanh Tùng:** Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào tập luyện thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam - Research on solutions for developing extracurricular sports activities for students at Vietnam Maritime University.
- 125 Hoàng Thu Phương:** Nâng cao năng lực số cho sinh viên trong học tập các môn Lý luận chính trị - Enhancing digital competence for students in learning political theory subjects.
- 132 Hoàng Thị Mỹ Hạnh - Nguyễn Khánh Linh:** Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử và Địa lý lớp 5 - Organizing experiential activities in teaching Grade 5 History and Geography.
- 138 Nguyễn Thị Ngọc Diệp:** Phát huy vai trò của cố vấn học tập trong định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn - Enhancing the role of academic advisors in career orientation for Chinese Language major students at Lang Son College.
- 144 Lê Anh Tuấn:** Kỹ năng quản lý thời gian trong ứng phó với stress học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên Khoa Công nghệ hóa, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Time management skills in coping with academic stress in the credit-based learning system among Chemical Technology students at Hanoi University of Industry.
- 150 Nguyễn Thị Yến Linh:** Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho giáo viên hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc - Mental health care for teachers toward building happy schools.
- 156 Lâm Thu Huyền:** Áp lực doanh nhân: Tiếp cận đa chiều từ góc độ sức khỏe tâm thần - Entrepreneurial pressure: a multidimensional approach from a mental health perspective.
- 163 Đào Thùy Chi:** Gợi ý một số phương pháp giảng dạy kỹ năng thuyết trình tiếng Anh hiệu quả cho sinh viên các trường đại học không chuyên - Empowering non-English majors in English oral presentations: innovative teaching strategies for better performance.

- 168 Đỗ Thu Phương:** Những lợi ích và thách thức của chương trình tiếng Anh lộ trình 5 học phần theo mô hình học tập kết hợp tại Đại học Bách khoa Hà Nội - Benefits and challenges of the 5-module English program under the Blended Learning model at Hanoi University of Science and Technology.
- 174 Nguyễn Thị Kiều Lê:** Nghiên cứu vai trò của sơ đồ tư duy trong việc nâng cao khả năng đọc hiểu tác phẩm văn học Anh của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh - Examining the role of mind maps in enhancing English literature comprehension among English majors.
- 180 Phương Thảo:** Từ quan niệm về chất lượng bản dịch đến thực hành giảng dạy Biên dịch: Vận dụng mô hình đánh giá chất lượng dịch của Juliane House trong đào tạo Biên dịch tại Đại học Bách khoa Hà Nội - From translation quality perception to translation teaching: applying Juliane House's translation quality assessment model in translator training at HUST.
- 186 Nguyễn Mạnh Toàn:** Rèn luyện võ thuật nhằm nâng cao văn hóa ứng xử, giao tiếp cho học viên Học viện Cảnh sát nhân dân - Enhancing martial arts training to improve etiquette and communication skills for students of the People's Police Academy.
- 191 Lê Thị Thanh Thảo - Cái Minh Thuận:** Vận dụng mạng xã hội trong giảng dạy và học Tiếng Anh giao tiếp cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh - Integrating social media into the teaching and learning of communicative English for non-English-major students at Ho Chi Minh City College of Industry and Trade.
- 198 Nguyễn Thị Hiền:** Học tập tích hợp công việc trong giáo dục đại học: Khái niệm, lợi ích và thách thức triển khai - Work-integrated learning in higher education: concepts, benefits, and implementation challenges.
- 203 Lê Thị Khánh Hòa:** Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học liên ngành - Thách thức và một số giải pháp - Enhancing the quality of interdisciplinary scientific research: challenges and some solutions.
- 209 Lê Thị Thu Thủy:** Thuận lợi, khó khăn và giải pháp trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Advantages, challenges, and solutions in teaching specialized English at the People's Police Academy.
- 215 Lưu Thị Dịu:** Vai trò "cầu nối" của tiếng mẹ đẻ trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp học sinh người dân tộc Êđê) - The bridging role of the mother tongue in teaching Vietnamese to ethnic minority primary school students: a case study of Ede students.
- 221 Ngô Thị Ngọc Hà:** Phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Kế toán thông qua hoạt động thực tập tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn - Developing professional competence for Accounting students through graduation internship activities at Lang Son College.
- 228 Lý Hương Linh:** Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thông minh trong thương mại quốc tế - Improving Vietnamese law on the resolution of disputes arising from smart contracts in international trade.
- 235 Kiều Anh Khoa:** Bảo hộ nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Việt Nam - Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện - Legal protection of collective trademarks under Vietnamese law: current situation and recommendations for improvement.
- 240 Lê Yến Nhi - Nguyễn Thu Hương - Nguyễn Đức Anh:** Bàn về quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời của người chưa thành niên bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam - Discussion on the right of accused juveniles to be promptly and fully informed in Vietnamese criminal procedure.
- 246 Đào Kim Anh - Nguyễn Phương Anh - Trịnh Ngọc Anh - Hoàng Thị Châm - Nguyễn Thị Trang Nhung:** Cơ chế đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống AI rủi ro cao theo Đạo luật AI của EU và hàm ý cho Việt Nam - Conformity assessment mechanisms for high-risk AI systems under the EU AI Act and implications for Vietnam.
- 251 Cao Thị Thanh Loan:** Thực hiện pháp luật về quyền giáo dục của người khuyết tật tại Thành phố Hà Nội - Thực trạng và giải pháp - Implementation of the law on the right to education of persons with disabilities in Hanoi City: current situation and solutions.
- 257 Trịnh Tường Khiêm - Võ Nguyễn Khánh Huyền - Nguyễn Ngọc Thủy Anh - Trịnh Bá Chiến:** Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam - Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện - Beneficial ownership of enterprises under Vietnamese law: the current legal framework and recommendations for improvement.
- 262 Nguyễn Đoàn Minh:** Bảo lãnh ngân hàng trong giao dịch nhà ở chung cư hình thành trong tương lai: Thực trạng thực thi và kiến nghị hoàn thiện pháp luật - Bank guarantees in transactions involving future apartment housing: implementation realities and recommendations for legal improvement.
- 268 Âu Thị Diệu Linh:** Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam hiện nay - Corporate governance of joint-stock companies under current Vietnamese law.
- 274 Phan Xuân Thủy:** Xã hội số và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật Việt Nam - Digital society and emerging challenges for Vietnamese law.
- 280 Vũ Thị Hồng Khanh:** Vai trò của báo chí chính thống trong định hướng dư luận xã hội và bảo vệ nền tảng tư tưởng tại Việt Nam hiện nay - The role of the mainstream press in shaping public opinion and protecting the ideological foundation in Vietnam today.
- 287 Lê Quỳnh Mai - Nguyễn Đức Hoan - Phạm Xuân Tùng - Trần Viết Sơn:** Nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách trong lực lượng Công an nhân dân ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số - Enhancing the effectiveness of policy communication in the People's Public Security forces in Vietnam in the context of digital transformation.
- 294 Lê Hữu Phúc:** Quản lý, bảo tồn di tích căn cứ kháng chiến tại Thành phố Hồ Chí Minh: Cơ hội và thách thức từ Luật Di sản văn hóa năm 2024 - Managing and conserving resistance base relics in Ho Chi Minh City: opportunities and challenges under the Cultural Heritage Law 2024.
- 300 Nguyễn Thanh Hải:** Kiến trúc cổng chùa Khmer tại An Giang: Đặc điểm loại hình và ý nghĩa biểu tượng - Khmer pagoda gates in An Giang: typological characteristics and symbolic meanings.
- 306 Trình Thị Hạnh - Đặng Thị Diệp Linh:** Xây dựng văn hóa du lịch thông qua chất lượng dịch vụ tại khách sạn May Plaza, tỉnh Thái Nguyên - Building a tourism culture through service quality at May Plaza Hotel, Thai Nguyen Province.
- 312 Nguyễn Ngọc Châu:** Phát triển mô hình hợp tác xã du lịch thông minh gắn với bảo tồn văn hóa tại tỉnh Đắk Lắk - Developing smart tourism cooperative models associated with the preservation of indigenous culture in Dak Lak Province.
- 318 Quan Thị Dương:** Một số đặc điểm chính của dữ liệu viễn thám trong nghiên cứu địa lý phục vụ phân vùng môi trường - Key characteristics of remote sensing data in geographical research for environmental zoning.

VẬN DỤNG TRIẾT LÝ QUẢN TRỊ CỦA HỒ CHÍ MINH: “BÌNH TĨNH, TỈNH TÁO NHƯNG QUYẾT ĐOÁN” TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

BÙI THỊ MỸ LỆ
DƯƠNG THỊ THU HẰNG
Trường Chính trị thành phố Cần Thơ

Nhận bài ngày 02/02/2026. Sửa chữa xong 11/03/2026. Duyệt đăng 15/3/2026.

Abstract

The article elucidates the theoretical and practical values of Ho Chi Minh's philosophy of governance, particularly the principle of being "calm, clear-headed, yet decisive" as a core tenet of leadership and modern national governance. On that basis, it further clarifies the Party's consistent application of this philosophy in practice to guide action, harness internal strengths, and realize the aspiration for national development in the nation's era of aspirational rise.

Keywords: Clear-headed, calm, decisive, Ho Chi Minh's governance philosophy, new era.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên phát triển mới với mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị quốc gia trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Trước những biến động nhanh, phức tạp và khó lường của môi trường quốc tế, mỗi quyết sách không chỉ cần đúng hướng mà còn phải kịp thời và hiệu quả, bảo đảm giữ vững ổn định để tạo nền tảng cho bứt phá. Trong bối cảnh đó, triết lý “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” của Hồ Chí Minh mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Triết lý ấy kết tinh bản lĩnh chính trị, tư duy khoa học và năng lực hành động, giúp giữ vững nguyên tắc trong những thời điểm nhạy cảm, nhận diện đúng cơ hội và thách thức, đồng thời dám đưa ra những quyết định chiến lược để tạo chuyển biến thực chất. Vận dụng sáng tạo triết lý đó chính là chìa khóa nâng cao hiệu lực quản trị, củng cố niềm tin xã hội và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Triết lý “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” của Hồ Chí Minh – nền tảng quản trị hiện đại quốc gia

Triết lý quản trị của Hồ Chí Minh “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán”, không chỉ là di sản tư tưởng có giá trị lịch sử mà còn là một phương pháp luận quản trị mang tính khoa học và bền vững. Ở Người, bản lĩnh chính trị luôn gắn với tư duy khoa học, quyết tâm hành động luôn song hành với sự thận trọng, cân nhắc toàn diện. Chính sự thống nhất giữa “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” đã tạo nên một phong cách lãnh đạo mẫu mực, đặt nền tảng quan trọng cho quản trị quốc gia hiện đại trong bối cảnh nhiều biến động và thách thức. Người cũng từng căn dặn: “Quyết đoán là một đức tính quý báu của người cách mạng. Nhưng quyết đoán không phải là liều mạng. Quyết đoán phải đi đôi với cẩn thận” [1]. Tư tưởng ấy hàm chứa triết lý quản trị sâu sắc: muốn phát triển nhanh phải giữ được sự bình tĩnh; muốn hành động hiệu quả phải có sự tỉnh táo trong phân tích; muốn tạo đột phá phải dám quyết đoán trên cơ sở khoa học. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, phức tạp, cạnh tranh chiến lược gay gắt, khó lường, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh diễn ra mạnh mẽ, triết lý này càng trở nên thời sự. Hồ Chí Minh cũng khẳng định

Email: hauloc@gmail.com

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỐ VẤN HỌC TẬP TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG QUỐC TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN

NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP
Khoa Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Nhận bài ngày 02/01/2026. Sửa chữa xong 18/02/2026. Duyệt đăng 10/03/2026.

Abstract

This article analyzes the role of academic advisors in career orientation for Chinese Language major students at Lang Son College in the context of vocational education reform aligned with labor market demands. Based on a systematization of the theoretical foundations of academic advising and career orientation, the study examines the current state of career guidance through academic advising activities at the college, highlighting both achievements and existing limitations. On that basis, the author proposes several solutions, including integrating academic advising with practical experience, linking entrepreneurship activities with career orientation, strengthening coordination in job placement support, and applying digital technology in academic advising. These measures are expected to contribute to improving training quality and meeting local workforce demands more effectively.

Keywords: Academic advising, career orientation, Chinese Language major, college students, vocational education.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, thương mại, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và năng lực ngoại ngữ là yêu cầu quan trọng đối với giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Đảng và Nhà nước đã xác định GDNN là một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho thị trường lao động, gắn đào tạo với nhu cầu xã hội và việc làm của người học [2]. Định hướng này tiếp tục được nhấn mạnh trong Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN. Các chủ trương này được Chính phủ cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 [12]. Đồng thời tiếp tục được chỉ đạo trong Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đổi mới mạnh mẽ giáo dục, phát triển GDNN gắn với thực tiễn và nhu cầu thị trường lao động [3].

Trong hệ thống GDNN, đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc có vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Đối với tỉnh Lạng Sơn - địa phương có lợi thế về kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới nhu cầu sử dụng lao động biết tiếng Trung Quốc ngày càng gia tăng, đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường định hướng nghề nghiệp cho sinh viên (SV) [11]. Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn cho thấy, một bộ phận SV ngành Tiếng Trung Quốc còn lúng túng trong việc xác định mục tiêu và định hướng lựa chọn nghề nghiệp, ảnh hưởng không nhỏ đến động cơ học tập và quá trình rèn luyện và phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Trong bối cảnh đó, cố vấn học tập (CVHT) giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua việc đồng

Email: ngocdiepcdspls@gmail.com

hành, nắm bắt nguyện vọng và kết nối SV với nhu cầu thị trường lao động. Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, bài viết tập trung phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của CVHT trong định hướng nghề nghiệp cho SV ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương và khu vực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về cố vấn học tập và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

2.1.1. Khái niệm và vai trò của cố vấn học tập trong trường cao đẳng

a. Khái niệm cố vấn học tập

Cố vấn học tập là hoạt động tư vấn có tổ chức do nhà giáo được nhà trường phân công thực hiện nhằm hỗ trợ SV trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân. Trong đào tạo theo tín chỉ, CVHT giữ vai trò hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, lựa chọn môn học, học phần, mô đun đúng tiến độ, nắm vững quy chế đào tạo và từng bước định hướng nghề nghiệp. CVHT là cầu nối quan trọng giữa nhà trường và SV, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và bảo đảm tiến độ hoàn thành chương trình đào tạo [8, tr. 66-70]. Dưới góc độ GDNN, vai trò của CVHT được mở rộng từ tư vấn học thuật sang hỗ trợ SV thích ứng với môi trường đào tạo nghề, rèn luyện kỹ năng học tập, kỹ năng mềm và định hướng nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động. CVHT có vai trò quan trọng trong việc giúp SV xác định mục tiêu học tập và nghề nghiệp phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu của xã hội [9, tr. 45-46].

b. Nhiệm vụ và vai trò của cố vấn học tập đối với sinh viên

Cố vấn học tập đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo, trước hết là tư vấn, hướng dẫn SV nắm vững chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, kế hoạch học tập và quy chế đào tạo; đồng thời theo dõi, hỗ trợ kịp thời khi SV gặp khó khăn trong học tập. Qua nghiên cứu cho thấy sự đồng hành thường xuyên của CVHT có tác động tích cực đến kết quả học tập và mức độ gắn kết của SV với nhà trường [14, tr. 58-59]. Bên cạnh đó, CVHT còn tư vấn phương pháp học tập, kỹ năng tự học và phát triển kỹ năng mềm, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và hình thành thái độ học tập tích cực cho SV. Các nghiên cứu quốc tế cũng khẳng định rằng hoạt động CVHT hiệu quả giúp nâng cao khả năng hoàn thành chương trình đào tạo và phát triển toàn diện của SV [5, tr. 4-6]. Đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới GDNN theo hướng gắn đào tạo với việc làm, vai trò định hướng nghề nghiệp của CVHT ngày càng được nhấn mạnh. CVHT hỗ trợ SV nhận diện năng lực bản thân, tìm hiểu yêu cầu nghề nghiệp và kết nối với các cơ hội thực tập, việc làm, phù hợp với định hướng tăng cường tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học [1], [3].

2.1.2. Khái niệm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

a. Khái niệm định hướng nghề nghiệp

Định hướng nghề nghiệp là quá trình hỗ trợ người học nhận thức đúng về bản thân, thế giới nghề nghiệp và mối quan hệ giữa năng lực cá nhân với yêu cầu của thị trường lao động, từ đó lựa chọn con đường học tập và nghề nghiệp phù hợp. Trong giáo dục, định hướng nghề nghiệp không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin mà còn bao gồm tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ người học hình thành mục tiêu và kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài. Định hướng nghề nghiệp là quá trình mang tính hệ thống giúp người học hiểu rõ năng lực, hứng thú nghề nghiệp của bản thân và nắm bắt yêu cầu xã hội đối với từng nghề, qua đó đưa ra lựa chọn phù hợp [13, tr. 34-35]. Trong GDNN, định hướng nghề nghiệp cần được triển khai xuyên suốt quá trình đào tạo, gắn với chương trình, hoạt động thực hành, thực tập và trải nghiệm nghề nghiệp.

Định hướng nghề nghiệp cho SV cao đẳng giúp người học xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp ngay từ đầu khóa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và chuẩn bị cho quá trình tham gia thị trường lao động sau tốt nghiệp [7, tr. 41-42]. Quan điểm này phù hợp với yêu cầu đổi mới GDNN theo hướng gắn đào tạo với việc làm và lấy hiệu quả đầu ra làm tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo.

b. Ý nghĩa của định hướng nghề nghiệp đối với sinh viên cao đẳng

Đối với SV cao đẳng, định hướng nghề nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là lực lượng người học chuẩn bị trực tiếp tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Định hướng nghề nghiệp giúp SV xác định rõ mục tiêu học tập và nghề nghiệp, từ đó nâng cao động cơ học tập, ý thức rèn luyện và thái độ học tập tích cực trong suốt quá trình đào tạo. SV được định hướng nghề nghiệp sớm thường chủ động hơn trong việc tích lũy kiến thức và kỹ năng nghề [6, tr. 56-57]. Bên cạnh đó, định hướng nghề nghiệp giúp SV lựa chọn hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực và điều kiện cá nhân, hạn chế tình trạng lựa chọn nghề nghiệp không phù hợp sau tốt nghiệp. Việc được định hướng rõ ràng còn góp phần rút ngắn thời gian thích ứng với môi trường làm việc, nâng cao khả năng tìm kiếm và ổn định việc làm. Định hướng nghề nghiệp hiệu quả có mối quan hệ chặt chẽ với tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo sau tốt nghiệp [10, tr. 62-63]. Trong bối cảnh đổi mới GDNN, định hướng nghề nghiệp còn là cơ sở để gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, giúp SV sớm tiếp cận yêu cầu của doanh nghiệp, chủ động rèn luyện kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và thái độ nghề nghiệp phù hợp. Nhiều nghiên cứu quốc tế cũng khẳng định vai trò của định hướng nghề nghiệp trong việc nâng cao khả năng thích ứng và phát triển nghề nghiệp bền vững của người học [4, tr. 17-18].

2.1.3. Vai trò của cố vấn học tập trong định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

a. Tư vấn học tập gắn với nghề nghiệp

Một trong những vai trò quan trọng của CVHT trong định hướng nghề nghiệp cho SV là tư vấn học tập gắn với mục tiêu và yêu cầu nghề nghiệp. Thông qua việc hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, lựa chọn học phần và lộ trình học tập phù hợp, CVHT giúp SV nhận thức rõ mối quan hệ giữa nội dung đào tạo và yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai và lựa chọn các hoạt động rèn luyện phù hợp. Tư vấn học tập có định hướng nghề nghiệp giúp SV chủ động hơn trong học tập với mục tiêu nghề nghiệp đã xác định [14, tr. 58-59]. Đối với SV cao đẳng, đặc biệt là các ngành đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động địa phương, tư vấn học tập gắn với nghề nghiệp góp phần hình thành động cơ học tập đúng đắn và nâng cao hiệu quả đào tạo. SV được CVHT tư vấn thường xuyên về kế hoạch học tập gắn với nghề nghiệp có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn và đạt chuẩn đầu ra cao hơn [7, tr. 41-42].

b. Cung cấp thông tin thị trường lao động

Cố vấn học tập đóng vai trò cầu nối cung cấp thông tin về thị trường lao động cho SV thông qua việc cập nhật nhu cầu tuyển dụng, yêu cầu năng lực nghề nghiệp của doanh nghiệp và xu hướng phát triển ngành nghề. Việc SV được tiếp cận sớm với thông tin thị trường lao động thông qua các kênh tư vấn trong nhà trường có tác động tích cực đến khả năng tìm kiếm việc làm và làm việc đúng ngành nghề sau tốt nghiệp [10, tr. 62-63]. Trong GDNN, vai trò này càng quan trọng khi đào tạo gắn trực tiếp với nhu cầu sử dụng lao động. CVHT là nguồn thông tin đáng tin cậy giúp SV cao đẳng tiếp cận yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp, từ đó định hướng rèn luyện kỹ năng nghề và kỹ năng mềm phù hợp [6, tr. 56-57].

c. Hỗ trợ sinh viên lựa chọn hướng đi nghề nghiệp phù hợp

Bên cạnh tư vấn học tập và cung cấp thông tin thị trường lao động, CVHT còn hỗ trợ SV lựa chọn hướng đi nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân. Thông qua tư vấn cá nhân và theo dõi quá trình học tập, CVHT giúp SV nhận diện điểm mạnh, hạn chế của bản thân và đưa ra gợi ý phù hợp về hướng phát triển nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Sự đồng hành của CVHT giúp giảm tình trạng lựa chọn nghề nghiệp mang tính cảm tính và nâng cao mức độ phù hợp giữa ngành đào tạo và công việc sau tốt nghiệp [8, tr. 66-70]. Các nghiên cứu quốc tế cũng khẳng định vai trò của CVHT trong hỗ trợ SV ra quyết định nghề nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng, phát triển nghề nghiệp bền vững [5, tr. 4-6]. Trong bối cảnh đổi mới GDNN hiện nay, việc phát huy vai trò này góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo và phù hợp với chủ trương tăng cường tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học.

2.2. Thực trạng vai trò của cố vấn học tập trong định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn

2.2.1. Đặc điểm của sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn có những đặc điểm tương đối đặc thù so với SV các trường đại học hoặc các cơ sở đào tạo ngoại ngữ ở các đô thị lớn. Phần lớn SV là người địa phương, trong đó có nhiều SV đến từ khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; trình độ đầu vào không đồng đều và đa số chưa có nền tảng tiếng Trung trước khi vào học. Bên cạnh đó, nhận thức của một số SV về nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp còn chưa rõ ràng. Nhiều SV lựa chọn ngành Tiếng Trung Quốc chủ yếu dựa trên xu hướng việc làm chung hoặc theo tư vấn ban đầu khi tuyển sinh, chưa hình dung cụ thể về các vị trí việc làm phù hợp với năng lực và điều kiện của bản thân. Một bộ phận SV còn tâm lý học để “có bằng”, chưa xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp lâu dài, dẫn đến động cơ học tập chưa thực sự bền vững.

Trong khi đó, tỉnh Lạng Sơn có những lợi thế nhất định về phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, du lịch và dịch vụ, là những lĩnh vực có nhu cầu sử dụng lao động biết tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, việc kết nối giữa nhu cầu của thị trường lao động địa phương với quá trình đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho SV ngành Tiếng Trung Quốc vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi sự tham gia tích cực và hiệu quả hơn của các chủ thể trong nhà trường, đặc biệt là đội ngũ CVHT.

2.2.2. Thực trạng công tác định hướng nghề nghiệp thông qua cố vấn học tập

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Lạng Sơn đã quan tâm triển khai công tác CVHT cho SV, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm hỗ trợ người học trong quá trình học tập và rèn luyện. Đối với SV ngành Tiếng Trung Quốc, CVHT chủ yếu là giảng viên trực tiếp giảng dạy hoặc cán bộ được phân công phụ trách lớp, có điều kiện gần gũi, nắm bắt tương đối sát tình hình học tập và sinh hoạt của SV. Thực tế cho thấy, CVHT đã thực hiện một số nội dung liên quan đến định hướng nghề nghiệp cho SV, thể hiện qua các hoạt động như: tư vấn kế hoạch học tập gắn với định hướng nghề nghiệp; hướng dẫn SV lựa chọn môn học, học phần phù hợp với năng lực và định hướng cá nhân; cung cấp thông tin về thực tập, việc làm và các cơ hội tuyển dụng trên địa bàn tỉnh; tư vấn cá nhân cho SV gặp khó khăn trong học tập hoặc còn băn khoăn về định hướng nghề nghiệp.

Thông qua các buổi sinh hoạt lớp, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn cá nhân, CVHT đã góp phần giúp SV từng bước nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa chương trình đào tạo và yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Một số SV được định hướng sớm đã chủ động hơn trong việc rèn luyện kỹ năng nghe, nói tiếng Trung Quốc, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, thực tập tại doanh nghiệp, cơ sở du lịch hoặc đơn vị kinh doanh có sử dụng tiếng Trung Quốc. Những kết quả này cho thấy vai trò của CVHT trong định hướng nghề nghiệp cho SV ngành Tiếng Trung Quốc bước đầu đã được thể hiện, góp phần nâng cao nhận thức nghề nghiệp và hỗ trợ SV tiếp cận thị trường lao động. Kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực GDNN tại tỉnh Lạng Sơn cũng khẳng định rằng các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm có tác động tích cực đến chất lượng đào tạo và khả năng có việc làm của người học sau tốt nghiệp.

2.2.3. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, vai trò của CVHT trong định hướng nghề nghiệp cho SV ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn vẫn còn một số hạn chế. Công tác CVHT hiện nay chủ yếu tập trung vào tư vấn học tập và quản lý lớp, trong khi nội dung tư vấn nghề nghiệp chưa được triển khai thường xuyên, bài bản và thiếu quy trình cụ thể phù hợp với đặc thù ngành đào tạo.

Đội ngũ CVHT phần lớn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng tư vấn nghề nghiệp và nắm bắt nhu cầu thị trường lao động địa phương dẫn đến hiệu quả tư vấn còn hạn chế, nhất là đối với SV cần định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa CVHT, khoa chuyên môn và các đơn vị sử dụng lao động chưa chặt chẽ, khiến thông tin về nhu cầu tuyển

dụng và yêu cầu nghề nghiệp chưa được cập nhật kịp thời để hỗ trợ SV. Ngoài ra, một bộ phận SV chưa chủ động tìm đến CVHT khi gặp khó khăn, kỹ năng tự định hướng và lập kế hoạch nghề nghiệp còn hạn chế, làm giảm hiệu quả phát huy vai trò của CVHT. Những hạn chế này cũng phù hợp với nhận định của nhiều nghiên cứu về GDNN, cho rằng công tác tư vấn và hỗ trợ nghề nghiệp cho người học tại các trường cao đẳng địa phương vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo gắn với việc làm.

2.3. Giải pháp phát huy vai trò của cố vấn học tập trong định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Tiếng Trung Quốc tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn

2.3.1. Tích hợp tư vấn học tập với trải nghiệm thực tế và thực tập nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Lạng Sơn đã tổ chức cho SV ngành Tiếng Trung Quốc tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế và thực tập tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Để các hoạt động này thực sự phát huy hiệu quả định hướng nghề nghiệp cần tích hợp chặt chẽ công tác tư vấn học tập của CVHT với quá trình trải nghiệm và thực tập của SV.

Cố vấn học tập cần tham gia định hướng cho SV ngay từ đầu về mục tiêu học tập và nghề nghiệp; tư vấn lựa chọn địa điểm trải nghiệm, thực tập phù hợp với năng lực và nguyện vọng cá nhân; theo dõi, hỗ trợ SV trong quá trình tham gia. Sau mỗi đợt trải nghiệm, thực tập, CVHT tổ chức trao đổi, đánh giá để SV nhận thức rõ yêu cầu nghề nghiệp và điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Cách tiếp cận này giúp SV gắn kết thức học tập với thực tiễn nghề nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng với thị trường lao động [10, tr. 62-63].

2.3.2. Gắn hoạt động dự án, ý tưởng khởi nghiệp với định hướng nghề nghiệp của sinh viên

Bên cạnh trải nghiệm và thực tập, nhà trường đã triển khai hướng dẫn SV xây dựng, triển khai các dự án, ý tưởng khởi nghiệp. Để hoạt động này không mang tính phong trào cần tích hợp vai trò của CVHT trong việc tư vấn, định hướng và hỗ trợ SV lựa chọn hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp.

Cố vấn học tập giúp SV xác định mối liên hệ giữa ý tưởng khởi nghiệp với chuyên ngành Tiếng Trung Quốc và điều kiện thực tiễn của địa phương; hỗ trợ SV đánh giá năng lực cá nhân, từ đó lựa chọn hướng đi nghề nghiệp phù hợp sau tốt nghiệp, dù là khởi nghiệp hay làm việc tại doanh nghiệp. Việc gắn hoạt động khởi nghiệp với định hướng nghề nghiệp giúp SV nâng cao năng lực tự chủ, tư duy sáng tạo và khả năng ra quyết định nghề nghiệp [6, tr. 56-57].

2.3.3. lồng ghép hoạt động tình nguyện, thiện nguyện với rèn luyện kỹ năng và thái độ nghề nghiệp

Các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện được tổ chức thường xuyên tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn là môi trường thuận lợi để SV rèn luyện kỹ năng mềm và thái độ nghề nghiệp. CVHT cần tích hợp định hướng nghề nghiệp vào các hoạt động này, giúp SV nhận thức rõ giá trị nghề nghiệp của những trải nghiệm xã hội. Đối với SV ngành Tiếng Trung Quốc, các hoạt động tình nguyện giúp rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, ứng xử văn hóa và tinh thần trách nhiệm, những năng lực quan trọng trong môi trường làm việc đa văn hóa. Việc lồng ghép định hướng nghề nghiệp vào hoạt động xã hội góp phần hình thành phẩm chất nghề nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng của SV sau tốt nghiệp [14, tr. 58-59].

2.3.4. Tích hợp tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm với công tác cố vấn học tập

Cố vấn học tập cần được phát huy vai trò trung tâm trong các hoạt động tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm của nhà trường. Trên cơ sở nắm bắt quá trình học tập, rèn luyện và nguyện vọng của SV, CVHT có thể tư vấn cho SV lựa chọn hướng đi nghề nghiệp phù hợp; phối hợp với khoa chuyên môn và bộ phận quan hệ doanh nghiệp để kết nối SV với các cơ hội thực tập, việc làm.

Việc tích hợp tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm vào công tác CVHT giúp SV được hỗ trợ liên tục, có hệ thống, tránh tình trạng tư vấn rời rạc, ngắn hạn. SV được CVHT hỗ trợ thường xuyên trong định hướng nghề nghiệp có mức độ tự tin cao hơn khi gia nhập thị trường lao động và giảm tình trạng làm việc không đúng ngành đào tạo [8, tr. 66-68].

2.3.5. Ứng dụng công nghệ số trong công tác cố vấn học tập và định hướng nghề nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số GDNN, việc ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số trong công tác CVHT là giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp cho SV. Tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, CVHT có thể sử dụng các nền tảng số như hệ thống quản lý đào tạo, nhóm trao đổi trực tuyến, biểu mẫu khảo sát điện tử để tư vấn, theo dõi tiến trình học tập và hỗ trợ SV kịp thời. Thông qua các công cụ số, thông tin về cơ hội thực tập, việc làm, yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp có thể được chia sẻ nhanh chóng và rộng rãi đến SV; đồng thời giúp CVHT thu thập phản hồi của SV về nhu cầu, nguyện vọng và mức độ phù hợp của công tác định hướng nghề nghiệp. Nhiều nghiên cứu cho thấy việc kết hợp tư vấn trực tiếp và tư vấn trực tuyến giúp mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ CVHT, đặc biệt đối với SV ở các trường cao đẳng địa phương [5, tr. 4-6].

3. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới GDNN theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, công tác định hướng nghề nghiệp cho SV giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu cho thấy CVHT là lực lượng nòng cốt trong việc hỗ trợ SV ngành Tiếng Trung Quốc xác định mục tiêu học tập, hình thành nhận thức nghề nghiệp và chuẩn bị cho quá trình tham gia thị trường lao động. Thực tiễn tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn cho thấy, khi vai trò của CVHT được phát huy và tích hợp chặt chẽ với các hoạt động trải nghiệm thực tế, thực tập, dự án khởi nghiệp, hoạt động xã hội, tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm và ứng dụng công nghệ số, công tác định hướng nghề nghiệp trở nên liên tục, có hệ thống và hiệu quả hơn. Các giải pháp đề xuất mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện của nhà trường và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực địa phương. Đồng thời thể hiện vai trò của CVHT trong việc tích hợp các hoạt động đào tạo và hỗ trợ SV tại cơ sở GDNN; đồng thời gợi mở khả năng vận dụng những giải pháp này cho các ngành đào tạo khác. Đây cũng là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá sâu hơn hiệu quả của công tác CVHT gắn với định hướng nghề nghiệp trong GDNN hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2023). *Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [4] Hooley, T., & Watts, A. G. (2011). *Career guidance and development*. British Journal of Guidance & Counselling, 39(1), 15-24.
- [5] Kuhn, T., Gordon, V., & Webber, J. (2022). *Academic advising and student success*. NACADA Journal, 42(1), 1-8.
- [6] Lê Thị Thanh Thủy (2021). *Vai trò của công tác hướng nghiệp đối với sinh viên cao đẳng*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tháng 9, tr. 54-58.
- [7] Nguyễn Văn Hùng (2019). *Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp*. Tạp chí Giáo dục nghề nghiệp, số 6, tr. 40-43.
- [8] Phạm Thị Mai Thảo (2024). *Thực trạng phát triển đội ngũ cố vấn học tập ở Trường Đại học Kiên Giang*. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, tập 13, số đặc biệt 01, tr. 65-73.
- [9] Phạm Thị Thu Hằng (2019). *Vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ ở các trường cao đẳng*. Tạp chí Giáo dục, số 451 kỳ 01 tháng 4, tr. 44-47.
- [10] Phạm Quang Toàn (2020). *Định hướng nghề nghiệp và khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp*. Tạp chí Lao động và Xã hội, số 620, tr. 60-64.
- [11] Tỉnh ủy Lạng Sơn (2021). *Nghị quyết số 63-NQ/TU, ngày 29/12/2021 về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025*.
- [12] Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 2239/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [13] Trần Thị Bích Liên (2020). *Định hướng nghề nghiệp cho người học trong giáo dục nghề nghiệp*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tháng 8, tr. 33-36.
- [14] Trần Thị Kim Oanh (2020). *Nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập trong các trường cao đẳng*. Tạp chí Giáo dục, số 484, tr. 56-60.